TỔNG HỢP THÔNG TIN TUYỂN SINH THEO HỌC BẠ CỦA ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG NĂM 2016
Đợt xét tuyển từ 01/8 đến 12/8

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Trường đào tạo	Điểm xét tuyển	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào	Đăng ký dự tuyển
1	Kinh tế phát triển	D310101	20	**PHKT**	Toán TB+ Văn TB + môn tự chọn TB (Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh)	- Tốt nghiệp THPT - Điểm xét tuyển trung bình ≥ 6,0	Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm: 1. Đơn đăng ký dự tuyển theo phương thức tuyển sinh riêng tại Đại học Đà Nẵng năm 2016 (tải trên trang tuyển sinh của ĐHĐN hoặc đăng ký trực tuyến và in đơn). 2. Bản sao có công chứng: Học bạ, Bằng Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương 3. 01 tem để gửi kết quả xét tuyển. 4. 02 ảnh 4 x 6 cm trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày chụp đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển và ghi rõ họ, tên, ngày tháng năm sinh của thí sinh ở mặt sau. Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/hồ sơ.
2	Quản trị kinh doanh	D340101	20				
3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D340103	20				
4	Kinh doanh thương mại	D340121	20				
5	Kế toán	D340301	20				
6	Kiểm toán	D340302	20				
7	Luật kinh tế	D380107	20				
8	Kinh doanh nông nghiệp	D620114	20				
9	Tài chính - ngân hàng	D340201	40				
10	Công nghệ thông tin	D480201	20		Toán TB + Môn tự chọn 1 TB + Môn tự chọn 2 TB (Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh)		
11	Kỹ thuật điện, điện tử	D520201	20				
12	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	D580205	20				
13	Quản trị và Kinh doanh quốc tế (IBM)		30	**Viện NC& ĐT Việt-Anh**	Toán TB + Lý TB + Hóa TB	- Tốt nghiệp THPT - Điểm xét tuyển trung bình ≥ 6,0 - Xếp loại Đạt khi sơ tuyển	
14	Khoa học và kỹ thuật máy tính (CSE)		40				
15	Hệ thống thông tin quản lý	C340405	860	**CĐCN**	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Lý TB + Anh TB Toán TB + Văn TB + Anh TB	Tốt nghiệp THPT	
16	Công nghệ sinh học	C420201			Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Hóa TB + Sinh TB Toán TB + Hóa TB + Anh TB Toán TB + Sinh TB + Anh TB		
17	Công nghệ thông tin	C480201			Toán TB + Lý TB + Hóa TB		

					Toán TB + Lý TB + Anh TB Toán TB + Văn TB + Anh TB		
18	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	C510101			Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Lý TB + Anh TB Toán TB + Lý TB + Văn TB Toán TB + Văn TB + Anh TB		
19	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	C510102			Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Lý TB + Anh TB Toán TB + Lý TB + Văn TB Toán TB + Văn TB + Anh TB		
20	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	C510103					
21	Công nghệ kỹ thuật giao thông	C510104					
22	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	C510201					
23	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	C510203					
24	Công nghệ kỹ thuật ô tô	C510205					
25	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	C510206					
26	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	C510301					
27	Công nghệ kỹ thuật điện tử - truyền thông	C510302					
28	Quản lý xây dựng	C580302					
29	Công nghệ kỹ thuật hoá học	C510401			Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Hóa TB + Sinh TB Toán TB + Hóa TB + Anh TB		
30	Công nghệ kỹ thuật môi trường	C510406					
31	Công nghệ thực phẩm	C540102					
32	Quản trị kinh doanh	C340101	30	**CĐ CNTT**	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Lý TB + Anh TB Toán TB + Hóa TB + Sinh TB Toán TB + Anh TB + Văn TB	Tốt nghiệp THPT	
33	Marketing	C340115	15				
34	Kế toán	C340301	30				
35	Khoa học máy tính	C480101	15				
36	Truyền thông và mạng máy tính	C480102	15				
37	Hệ thống thông tin	C480104	15				
38	Công nghệ thông tin	C480201	90				
39	Tin học ứng dụng	C480202	30				
40	Công nghệ kỹ thuật máy tính	C510304	15				

Ghi chú: **Môn TB** là điểm trung bình môn học năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12 của thí sinh.